

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4190	Lê Thị Dung		01/01/1938	271121550	ấp Quảng phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4191	Nguyễn Hoàng Nhật	19/03/2014			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4192	Nguyễn Hữu Bảy	20/10/1973		272073087	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4193	Bùi Khắc Phương Nam	20/08/1999		272810220	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4194	Trần Thị Hà		20/08/1973	191734656	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4195	Lê Thị Thanh		20/02/1938	270494758	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4196	Võ Văn Tòa	19/06/1938		270433748	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4197	Phạm Kim Phương		07/06/1963	270433207	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4198	Hoàng Thị Mậu Dân		01/01/1939	272017887	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4199	Nguyễn Văn Lượn	01/01/1952		270416828	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4200	Huỳnh Thị Hy		01/01/1939	270433847	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4201	Lê Thị Ngọc Trų		20/03/1939	272776888	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4202	Trần Trọng Bạch	01/01/1939		270433341	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4203	Trần Quang Khanh	02/10/1952		270416763	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4204	Trần Thị Vân		12/11/1958	270418770	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4205	Trần Anh Tuấn	03/02/1979		271588725	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4206	Đinh Thị Kim Mơ		20/07/1960	270433187	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4207	Ngô Hoài Ân	02/04/1939		270867818	ấp Quảng phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4208	Trần Thị Minh Thế		05/06/1939	271082384	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4209	Trần Thị Kim Huệ		26/09/1961	270433163	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4210	Nguyễn Trần Hoàng Anh	23/04/2003		272998552	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4211	Bạch Thị Hoa		07/11/1939	190042846	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4212	Nguyễn Thị Huyền		01/01/1971	272581128	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4213	Nguyễn Thị Ngung		01/01/1940	271071977	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4214	Nguyễn Thanh Bình	08/01/1940		272241826	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4215	Nguyễn Thị Nữ		13/03/1961	270433215	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4216	Trần Minh Quang	10/01/1957		270824274	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4217	Phạm Văn Hoan	01/01/1960		272354946	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4218	Phan Thanh Niệm	01/01/1940		271922683	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4219	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1940	272841823	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4220	Trần Quỳnh Như	15/01/2010			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4221	Phạm Nguyễn Minh Đức	09/01/2017			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	



STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4222	Trần Thôn	10/01/1940		270894200	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4223	Tôn Nữ Thị Phương Nam		10/10/1964	272103451	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4224	Nguyễn Minh Tâm	23/03/1957		270452103	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4225	Nguyễn Thị Chân		09/09/1935	270656998	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4226	Nguyễn Văn Hùng	01/01/1969			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4227	Nguyễn Thị Chân		01/01/1935		ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4228	Nim Chí Tắc	25/10/1995		272460089	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4229	Chương Sỹ		01/01/1915		ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4230	Lầy Nhì Linh		01/01/1965	270823059	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4231	Vòng Sỏi Phát	01/01/1995			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4232	Vòng Tàng Sáng	09/07/1969		270745553	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4233	Vòng Công Liên		01/01/1991	Khuyết tật	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4234	Gịp Sắn Múi		25/01/1930	270735857	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4235	Thòng Thủ Giếng	01/01/1921		270073837	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4236	Thòng A Cầu	30/01/1984			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4237	Vòng Sắn Múi		02/04/1921	270757242	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4238	Lý Năm Dénh		30/07/1994	Khuyết tật	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4239	Thòng Sinh Sỏi	01/01/1920		270757203	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4240	Lầu A Séc		06/09/1938	270757438	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4241	Hầu A Vần	01/01/1924		270757888	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4242	Lênh Sý		01/07/1935	270757864	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4243	Hoàng Sý		01/01/1926	270756983	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4244	Niềm Khi Hiển	01/01/1926		270757174	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4245	Hồ Nhì Múi		15/01/1937	270757175	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4246	Trần Cẩm Sáng	01/01/1930		270756704	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4247	Trần Văn Sáng	01/01/1928		270065091	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4248	Trần Vay Sáng	18/07/1930		270755202	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4249	Trần Sứy Hội	01/01/1930		270757671	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4250	Dường Văn Sáng	04/10/1929		270756969	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4251	Vai Sý		23/05/1929	270757725	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4252	Lùng Sý		01/01/1929	270757181	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4253	Trần Văn Lập	01/01/1929		271128289	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4254	Phạm Thị Hai		04/07/1937	270134115	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4255	Sĩ Sau Cẩm	01/01/1929		270757250	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4256	Xú Xi		01/01/1928	270756274	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4257	Lâm Tú Anh		01/01/1930	270756127	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4258	Vòng Sỹ		01/01/1929	270757575	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4259	Lương Thanh Trung	29/04/1987		Khuyết tật	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4260	Nguyễn Văn Mười	01/01/1930		270656915	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4261	Trương Nhật Trường	29/01/1986		271667648	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4262	Vòng A Lộc	01/01/1931		270757075	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4263	Vòng A Mùi		17/04/1931	271128022	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4264	Huỳnh Kim Bửu	01/01/1961		Khuyết tật	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4265	Huỳnh Ngu Mười		01/01/1954	270756871	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4266	Huỳnh Quảng Kiú		09/05/1942	270756604	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4267	Lò Hời Thành	01/01/1930		270757371	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4268	Nguyễn Nam Cao	15/05/1988		271840112	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4269	Chu Thị Lan		09/05/1956	272531700	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4270	Huỳnh Quý Như Sương		02/11/1993	272410544	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4271	Vòng Sau Dénh		01/01/1932	270757708	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4272	Vòng Phúc Sấn	24/12/1932		270745386	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4273	Lưu Sỳ		19/09/1939	270745396	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4274	Trần Tài Múi		01/01/1957	271597486	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4275	Nguyễn Hữu Vinh	01/01/1957		272044014	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4276	Nguyễn Thị Đắp		01/01/1963	272012321	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4277	Huỳnh Công Thành	30/04/1932		272602443	ấp Thuận an, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4278	Đặng Văn Be	01/01/1960		271754976	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4279	Trần Thị Cứ		20/02/1932	270656958	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4280	Vòng Văn Lực	12/07/2007			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4281	Lâm Tú Lan		29/09/1933	270756036	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4282	Nguyễn Thị Nụ		12/10/1950	272581113	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4283	Lý Công Pầu	07/06/1933		270756961	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4284	Nguyễn Thị Hân		01/01/1934	270657146	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4285	Tong A Wou	10/10/1934		270757379	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4286	Lâm Thúy Bình		04/01/2003		ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4287	Đặng Nghĩa Hiệp	01/01/1972			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4288	Đặng Phú Quốc	01/01/1971			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4289	Nguyễn Ngọc Lượn	18/06/1984		271562009	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4290	Vòng Lập Phú	29/07/1934		270745144	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4291	In Sui Lìn		07/07/1937	270895656	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4292	Võ Thị Đồng		01/01/1935	272531717	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4293	Trần Thị Huệ		01/01/1935	272106559	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4294	Châu A Pầu	04/02/1935		270757933	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4295	Lênh A Cừu		25/05/1935	270643490	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4296	Nguyễn Thị Thoir		05/05/1935	321500655	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4297	Sầm Tuấn Viễn Trụ	23/06/2013			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4298	Lài Công Kiú		01/01/1987	271719023	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4299	Lường Tá Phát	12/11/1934		270757528	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4300	Sỳ Say Làn		01/01/1936	270757925	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4301	Trần Thị Khai		10/02/1935	270243095	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4302	Hong Sâm Múi		01/01/1936	270755864	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4303	Phan Thị Thu		29/11/1949	270756193	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4304	Hỷ Tác Cống	23/09/1948		270756039	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4305	Vòng Lý Hính	20/05/1937		270755763	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4306	Trần Mộc Múi		05/02/1936	270758097	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4307	Phún Sỳ Múi		10/10/1936	270756375	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4308	Tsân Lý Sáng	01/07/1936		27075573	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4309	Sỳ Ứng Múi		01/01/1937	270756419	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
4310	Trịnh Thị Quế		01/01/1937	272756106	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4311	Lý A Kiú		07/02/1937	271319664	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4312	Nlìm A Nhì	17/05/1985		271667383	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4313	Lê Thị Thân		01/01/1937	272531399	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4314	Ứng Trần Múi		02/02/1937	270757025	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4315	Lâm Gia Hân		14/05/2009		ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4316	Tạ Thị Anh		23/06/1937	272851913	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4317	Vòng Lý Cống	18/07/1954		270759953	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4318	Vòng Nháp Hội	28/09/1991		272241155	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4319	Lưu Sui Kiú		13/06/1937	270759275	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4320	Chương Tăng Mùi		09/09/1937	270757155	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4321	Lênh Tắc Zénh	04/10/1937		272186651	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4322	Chiềng Tài Mùi		09/11/1937	270757194	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4323	Lê Thị Xùng		01/01/1938	270656905	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4324	Chè A Mùi		17/11/1992		ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4325	Lý A Sy	16/10/1985			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4326	Lý Chính Sáng	10/08/1982			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4327	Nguyễn Thị Lại		15/04/1959	272154394	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4328	Nguyễn Thị Hai		13/07/1938	270656901	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4329	Trần Văn Út	04/06/1962			ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4330	Sú Cún Pẩu	20/12/1966		270756423	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4331	Lý Giềng Kiú		01/12/1938		ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4332	Thòng Ứng Mùi		07/09/1938	270757891	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4333	Huỳnh Sĩ Tân	08/10/1938		270756411	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4334	Thông A Nhi	21/03/1939		270756576	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4335	Sau Nhị Cú		05/04/1948	270757852	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4336	Lưu Tài Múi		15/02/1939	270757064	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4337	Huỳnh Thị Cung		19/12/1936	021361571	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4338	Đào Thị Hà		12/05/1939	272186341	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4339	Hồ Thị Xuân		01/01/1938	272531355	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4340	Trần Thị Sữa		09/09/1954	270755063	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4341	Gip A Sáng	12/09/1953		270756499	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4342	Ứng A Cầu	24/04/1977		271280421	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4343	Lâm Nhị Múi		10/01/1978	271280255	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4344	Tsần A Pầu	03/03/1956		270736383	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4345	Lục Thị Kim hoa		18/07/2001	272900017	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4346	Văn A Chăn	09/09/1939		270958016	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4347	Hoàng Văn Ba	01/01/1940		270757397	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4348	Ứng Sám Múi		15/01/1940	270757058	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4349	Chè Quốc Thanh	01/01/1940		270756842	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYTX theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4350	Trần A Pầu	25/12/1960		270755977	ấp Thuận An, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4351	Trần Văn Pầu	01/01/1982		272186643	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
4352	Nguyễn Thị Hồng Thi		01/01/1995		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4353	Huỳnh Thị Liễu		21/03/1963	271706959	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4354	Hỷ Phu Sênh	06/02/1927		270745682	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4355	Hỷ Vòng Công	01/01/1964		270745727	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4356	Hoàng Kim Phi	08/11/1984		Khuyết tật	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4357	Sỹ Sâm Mùi		10/08/1958	270759618	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4358	Xôi Thái Khai Yin	26/04/1960		079060002855	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4359	Hoàng Thị Kim		01/01/1924	270656607	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4360	Lầy Sỹ		01/01/1910	270759229	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4361	Lừ Ni Xướng	03/04/1925		270759608	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4362	Hồ Sĩ Mùi		04/07/1936	270759503	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
4363	Lê Thị Ngải		16/10/1933	270745063	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4364	Vòng A Nhật	27/06/1991		272029785	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4365	Mọc Vĩnh Phần	01/01/1926		270758650	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4366	Chương Nhi Mùi		12/05/1931	270758649	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4367	Ninh Thị Lục		25/10/1926	272356589	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4368	Lâm Văn Đức	16/05/1966		270759693	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4369	Lô Thị Đạo		22/06/1926	270065768	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4370	Hoàng Phát Minh	20/12/1982		272186653	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4371	Trần Thị Kiú		10/04/1958		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4372	Chấn A Mùi		20/09/1963	272411515	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4373	Chè Sám Mùi		15/07/1930	270758951	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4374	Sầu Siu Quay	27/07/1930		270759680	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4375	Lý Sý Mùi		30/06/1930	270075900	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4376	Chè Hỷ Níp	30/12/1928		270759888	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4377	Hứa Đình Huy	01/01/1928		270759183	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4378	Chu Thị Bấu		01/01/1928	272460656	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
4379	Hoàng Thị Khách		18/03/1929	270759089	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4380	Tsú Chổng Khảm	06/12/1928		270745022	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4381	Dường Sý		01/01/1930	270745023	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4382	Trần Thị Dương		16/01/1935	270656786	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4383	Lư Thị Việt		01/01/1929	270656649	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4384	Hoàng Thị Minh		14/04/1938	270758639	ấp Thuận hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4385	Tô Mậu Xuân	15/01/1933		272560705	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4386	Trần Văn Bích	16/05/1927		270684107	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4387	Trần Thị Thủy		01/01/1933	270684106	ấp Thuận hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4388	Vy Thị Ý		20/06/1933	270759529	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4389	Chênh Chùi Lân	04/12/1927		270759853	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4390	Chí Nhật Quay	30/10/1930		270759687	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4391	Lý Văn Bộ	01/01/1928		270745664	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4392	Tsú Sênh Chương	11/08/1931		271521248	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4393	Chiến Thông Dương	01/01/1982		271457734	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4394	Vòng A Mùi		18/02/1950	270759964	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4395	Trần Đức Thọ	17/08/1993		272356667	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4396	Sỹ Cẩm Lìn		07/01/1985	271667515	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4397	Lý A Sáng	01/01/1970		270894883	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4398	Trần Quốc Tuấn	27/07/1971		272186325	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4399	Nông Thị Sen		01/01/1932	270656744	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4400	La Thị Cam		01/10/1932	270759811	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4401	Nguyễn Thị Kiều Anh		15/11/2008		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4402	Nguyễn Thị Dung		06/11/1984		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4403	Chu Quốc Thái	07/10/1969		270759922	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4404	Chu Gia Minh	24/01/2011			ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4405	Trần Thị Minh Lý		01/01/1970	271840819	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4406	Vòng A Giảng	06/05/1932		270745620	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4407	Hà Thế Hân	23/11/1933		272559328	ấp Thuận hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4408	Lý Văn Đồng	01/01/1933		270656770	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4409	Phạm Thị Liễm		15/10/1937	270656820	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4410	Ninh Phùng Hỷ	01/01/1933		270768917	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4411	Hoàng Sậy Năm	01/07/1933		272531609	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4412	Lương Thị Lầu		01/10/1934	272531608	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4413	Trần Minh Xiêu	13/06/1933		270759725	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4414	Hồ Lâm	28/07/1950		270759632	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4415	Mã Thị Kim Liên		18/08/1987	272044005	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4416	Lý A Cẩm		01/01/1960	270759572	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4417	Vòng Lý Sáng	23/07/1934		270759537	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4418	Lý Văn Hùng	15/08/1934		270656568	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4419	La Sù Nam	15/02/1934		270656804	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4420	Lê Văn Hòa	01/01/1935		380714342	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4421	Mai Quỳnh Như		03/11/2013		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4422	Mai Đức Khôi	22/06/1986		271706845	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4423	Lai Gia Trân	11/11/1935		270759366	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4424	Hoàng Thị Sâm		27/09/1949		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4425	Lai Thị Bắc Mùi		26/08/1977		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4426	Nông Thị Liu		17/07/1938	270758903	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4427	Thống Cùn Mùi		10/07/1959	Khuyết tật	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4428	Thống Chung Sáng	28/06/1974		271128163	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4429	Trần Mân Cạp	10/07/1936		270759166	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4430	Trần Khỳ Dương	09/06/1980			ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4431	Sỹ Mộc Pầu	11/09/1936		270759303	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4432	Chè A Lý		01/01/1937	272356393	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4433	Đoàn Thị Phong		01/01/1937	270758602	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4434	Sênh A Sạp		08/01/1974	271221890	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4435	Gip Lý Sáng	24/04/1972		271070213	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4436	Vy Thị Thanh		06/12/1956	271938276	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4437	Hoàng Kim Long	25/12/2011			ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4438	Hoàng Thị Tỷ		04/06/1937	270758966	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4439	Lai Lầu Giồng	05/07/1937		270759978	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4440	Phan Thị Ngọc Hà		01/02/1979	271314729	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4441	Lý Thị Kim Dung		20/03/1998	272602614	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4442	Sầm Ly Hùng	29/03/1997		272531626	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4443	Trần Văn Giang	21/12/1972		270958363	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4444	Trần Giang Sơn	13/01/2000			ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4445	Lê Thị Ươm		08/08/1938		ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4446	Châu Phát Vòng	10/12/1961			ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4447	Vòng Đức Bầu	27/09/1990		272000046	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4448	Vòng Nhộc Diêng	04/08/1947		270759415	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4449	Vòng A Cầu	16/05/1960		270759782	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4450	Giềng Công Mùi		16/01/1964	270531603	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4451	Nguyễn Hữu Thới	01/01/1940		270716181	ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4452	Hồ Thị Xé		01/01/1908	270656398	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4453	Lâm Thị Hồng		10/07/1966	270725879	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	600.000	1.500.000	
4454	Lý Lâm Anh	01/01/1994			Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4455	Lý Văn Thề	02/02/1967		271647686	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4456	Nguyễn Công Quý	01/01/1991		272029699	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4457	Lương Vĩnh Lộc	01/01/1992			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4458	Chênh Sành Liên		01/01/1972	270958352	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4459	Hoàng Thị Eng		01/01/1930	270656735	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4460	Vì Kim Mẫu	01/01/1954			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4461	Hồ Thị Dung		20/01/1971	272411686	Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4462	Hồ Thừa	10/01/1952			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4463	Vòng Lý Bình		17/05/1989	271880812	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4464	Vòng Khẩu	24/09/1958		270758472	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4465	Vòng Cẩm Và		28/02/1991	272029751	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4466	Xôi Thái Khai Mỹ		29/03/1958	271379338	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4467	Lương Thị Hương		01/01/1933	270656833	ấp Thuận trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4468	Trần Thị Diệp		01/01/1922	270656805	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4469	Sắn A Khẩu	01/01/1922		271887002	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4470	Chè Khoán Năm	01/01/1921		270785540	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4471	Lý Sý		01/01/1924	270759107	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4472	Trình A Nhịt		01/01/1921	270758265	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4473	Làm Sý		21/03/1922	270745037	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4474	Lưu Say Thông		01/01/1920	270759087	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4475	Hoàng Văn Hương	03/03/1931		270656419	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4476	Dín A Dưỡng	14/03/1925		270758250	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4477	Chè Shie		10/05/1925	272667758	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4478	Lộc Sâm Mùi		19/09/1925	270728622	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4479	Dương Thị Liễu		01/01/1926	270442403	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4480	Hoàng Thị Đại		16/04/1928	270758897	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4481	Vũ Hồng Tuyền	01/01/1929.		271765088	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4482	Hoàng Thị Thu		01/01/1933	272531464	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
4483	Lương Thị Sy		18/04/1928	270656736	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4484	Trần Thị Bông		12/11/1927	270656838	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4485	Võ Văn Nhem	20/10/1928		270758623	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4486	Huỳnh Thị Kỳ		01/01/1933	270758015	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4487	Nông Thị Hòa		01/01/1985	272018240	Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4488	Nông Văn Quay	15/07/1978			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4489	Dương Văn Sáu	01/01/1953		272186240	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4490	Thăm Cùn Tỏi		01/01/1931	270759327	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4491	Lý Bần	05/10/1930		270745039	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4492	Vòng Sy		01/01/1928	270758527	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4493	Trần Thị Thuyền		01/01/1931	270656596	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4494	Lý Gi Khoản	15/02/1931		270758384	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4495	Loan Thị Diễm		14/05/1933	270656418	ấp Thuận trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4496	Đình Thị Mai		01/01/1931	270606273	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4497	Vy Thị Lý		16/09/1930	270758694	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4498	Lý Phát Sinh	07/07/1930		270758307	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4499	Lâu A Kiú		02/12/1931	270758308	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4500	Vòng Sý		28/08/1931	272028660	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4501	Hoàng Văn Tiên	01/08/1931		270656608	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4502	Vy Thị Sinh		04/02/1940	524968795	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4503	Chánh A Tài		25/12/1931	270758391	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4504	Hoàng Phúc Lộc	01/01/1931		271025063	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4505	Vòng Nhì Múi		01/01/1949	271251063	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4506	Nông Thuận Phương	05/06/1935		270758447	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4507	Nông Như Minh	01/01/1977		271251076	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4508	Vũ Văn Hiệp	01/01/1929		270656751	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4509	Tạ Thị Nhiệt Hạ		10/02/1994	272217969	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4510	Nguyễn Thị Hương		02/05/1967	270758342	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4511	Ngô Thị Hợp		01/01/1932	270656566	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4512	Nguyễn Kim Sinh		01/01/1932	270656350	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4513	Lương Thị Tư		01/01/1932	270759522	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4514	Y Hình Cong	03/04/1932		270075528	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4515	Sú Ứng Mùi		01/01/1933	271299197	Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4516	Vòng Mộc Sáng	02/07/1932		270759228	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4517	Lý Sương Mỹ Nguyễn		23/05/2013		ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4518	Trần Thị Thu Cúc		22/07/1981	272756111	Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4519	Hứa Thị Chấn		28/11/1932	280083021	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4520	Vý Văn Ngoan	19/12/1951		271714776	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4521	Đặng Minh Tuyên	05/07/1981		272720612	Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4522	Lý Thế Anh	01/01/1989		Bại liệt không có	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4523	Lý Giỏi Lồng	01/01/1953		271482073	Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4524	Nguyễn Thị Lướt		12/07/1974	111347337	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
4525	Lâu Chè Mùi		01/01/1932	270075374	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4526	Nguyễn Thị Lành		18/08/1932	270759701	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4527	Sú Sau Cẩm	01/01/1933		270758374	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4528	Hồ Sập Nhi		01/01/1934	270758726	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4529	Sú A Cầu	16/03/1987		271840024	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4530	Gìn Cẩm Dénh		03/12/1962	270459290	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4531	Hoàng Muội		17/07/1933	270894525	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4532	Sàn A Sy	01/01/1933		270758170	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4533	Sỳ Nhi Mùi		01/01/1938	270758169	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4534	Nguyễn Hồng Thức	01/07/1961		180706013	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4535	Hoàng Thị Phước		10/12/1963	270656702	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4536	Nguyễn Thị Vinh		04/06/1934	270656408	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4537	Dịch Tài Mùi		02/01/1934	270758455	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4538	Vòng Cầu Mùi		28/09/1934	271871397	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4539	Lê Văn Thành	02/09/1934		270656713	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4540	Chang Tuấn Kiệt	12/06/2006			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4541	Chang Bảo Chí	01/01/1982		271524540	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4542	Chương Vòng Tư		01/01/1935	270745729	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4543	Dương A Nà	05/03/1935		270758999	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4544	Hoàng Văn Trương	18/02/1989		272186329	Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4545	Doãn Thị Thanh		01/01/1956	272217986	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4546	Huỳnh Thị Huệ		10/11/1935	270140563	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4547	Phún A Hy		10/10/1935	270759059	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4548	Chằng Nghi Đình		10/01/2013		ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4549	Đinh Thị Hằng		07/08/1987	100960716	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4550	Lưu Văn Thế	24/12/1935		270758907	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4551	Nguyễn Hồng Linh	02/12/2008			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4552	Nguyễn Văn Hoàng	01/04/1957		270656547	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	600.000	
4553	Ngô Quang Trường	20/11/2011			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4554	Võ Thị Lý		16/06/1991	183927832	Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4555	Đặng Ngọc Lân	14/04/1936		270656691	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4556	Trương Thị Hương		01/01/1937	270603238	Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4557	Trần Văn Thoại	01/01/1944		271507390	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4558	Võ Thị Hạt		01/01/1945	271797916	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4559	Chu Lý Trâm Anh		23/09/2013		ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4560	Hỷ Sênh Hồng	20/04/1990		272000048	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4561	Nguyễn Hoàng Thiện	21/04/2014			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4562	Hà Thị Kim		16/06/1937	270758222	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4563	Nguyễn Thị Thư		20/07/1937	270656831	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4564	Trần Vỹ Sánh	18/09/1937		270758819	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4565	Lục Quốc Anh	02/02/1948		270958315	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4566	Vũ Thị Lợi		30/12/1952	271871419	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4567	Tống Thị Tao		01/01/1938	270356576	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4568	Nguyễn Châu	20/03/1938		272017176	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4569	Phạm Văn Thọ	03/05/1938		270656536	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4570	La Văn Côi	20/07/1962		270758355	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4571	Nguyễn Thị Hoa		21/03/1965		ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4572	Vy Ngọc Nhật Nguyệt		20/10/2016		ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4573	Trần Côn Phúc	04/07/2010			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4574	Đặng Vĩnh Phúc	10/03/1939		271797626	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4575	Hồ Tấn	03/06/1939		270758882	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4576	Lê Ngọc Khánh Đan		03/11/2010		ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4577	Nguyễn Thị Kim Dung		14/05/1975	271206363	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4578	Lê Thị Nàng		01/01/1951	270154064	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4579	Nguyễn Thị Bình Dương		01/10/1986	272106304	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4580	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		29/11/2011		ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4581	Lăng Ngọc Thành	15/10/1976		271221980	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4582	Vy Thị Bình		01/01/1940	270656493	ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4583	Đặng Gia Cát	17/12/2013			ấp Thuận Trường, xã Sông Thao	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4584	Nguyễn Văn Dọng	01/01/1955			ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4585	Nguyễn Văn Lôi	01/01/1967			ấp 1, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4586	Nguyễn Văn Hải	01/01/1924			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4587	Vũ Đình Kham	01/01/1920			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4588	Vũ Thị Riêng		01/01/1931		ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4589	Nguyễn Thị Trúc Linh		19/02/1988		ấp 1, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4590	Nguyễn Văn Đông	20/09/1963			ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4591	Mai Văn Vinh	01/01/1962			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4592	Nguyễn Văn Kỳ	01/05/1927			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4593	Đinh Văn Khư	01/01/1930			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4594	Nguyễn Thị Lâm		01/01/1926		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4595	Huỳnh Thị Đèo		01/01/1931		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4596	Nguyễn Văn Tùng	01/01/1931			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4597	Huỳnh Hữu Cảnh	06/12/1999			ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4598	Hứa Thị Kim Loan		01/01/1980		ấp 1, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4599	Lương Ngọc Yến Nhi		09/09/2008		ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4600	Lương Văn Lộc	01/01/1979			ấp 1, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4601	Nguyễn Thị Phương		01/06/2003		ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4602	Nguyễn Tấn Nam	01/01/1970			ấp 1, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4603	Nguyễn Thị Mẫn		01/01/1932		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4604	Lê Xuân Đào	01/01/1933			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4605	Huỳnh Thị Mừng		01/01/1937		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4606	Nguyễn Văn Hiền	15/01/1983			ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4607	Nguyễn Thị Phúc		01/01/1928		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4608	Nguyễn Khắc Thọ	11/11/1996			ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4609	Đặng Phương Vy		07/12/2011		ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4610	Phạm Văn Dương	22/09/1975			ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4611	Huỳnh Thị Tuyết Mai		16/08/2002		ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4612	Nguyễn Văn Mười	03/10/1947			ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4613	Hoàng Nguyễn Tường Vy		01/01/2009		ấp 1, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4614	Hoàng Đức Sự	01/01/1978			ấp 1, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4615	Nguyễn Thị Kiêm		01/01/1936		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4616	Đặng Thành Hải	10/10/1935			ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4617	Võ Thị Xuân Lang		04/05/1935		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4618	Nguyễn Thị Kìa		01/01/1935		ấp 1, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4619	Nguyễn Văn Luận	20/05/1936			ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4620	Phạm Văn Thắt	20/11/1935			ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4621	Nguyễn Thị Nguyên		01/01/1934		ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4622	Đặng Lâm Minh	01/01/1954			ấp 1, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4623	Nguyễn Thị Quy		15/01/1937		ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4624	Lưu Thị Song		06/07/1928	174608575	ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4625	Hồ Quốc Khánh	03/06/2008		205904604	ấp 1, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4626	Phạm Thị Duệ		12/12/1937	272776729	ấp 1, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4627	Nguyễn Thị Hằng		07/10/1982	186404232	ấp 1, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4628	Nguyễn Thị Mỹ		16/10/1939	272655186	ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4629	Huỳnh Thị Ngộ		06/08/1939	272091428	ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4630	Lê Thị Hằng		02/04/1982		ấp 1, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4631	Đinh Thị Sự		22/02/1967	272091127	ấp 1, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4632	Lương Xuân Thắng	20/08/1967			ấp 1, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4633	Nguyễn Văn Bìa	10/02/1940		271250758	ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4634	Nguyễn Thị Lâu		01/01/1940	270425613	ấp 1, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4635	Hoàng Văn Minh	01/01/1965			ấp 2, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4636	Hoàng Thị Liên		05/02/1973		ấp 2, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4637	Nguyễn Thị Quí		01/01/1965		ấp 2, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4638	Lê Thị Dòn		14/04/1930		ấp 2, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4639	Bùi Văn Phụng	01/01/1970			ấp 2, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4640	Nguyễn Thị Minh		01/01/1930		ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4641	Hoàng Văn Nghinh	01/01/1928			ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4642	Lê Thị Bón		11/08/1933		ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4643	Nguyễn Văn Còi	01/01/1927			ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4644	Nguyễn Thị Nhạn		01/01/1928		ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4645	Trần Văn Thiện	01/01/1931			ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4646	Huỳnh Thị Cự		01/01/1934		ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4647	Hồ Văn Hai	01/01/1928			ấp 2, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4648	Lê Thị Xem		01/01/1938	272581688	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4649	Lê Thị Thứ		10/10/1930		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4650	Hoàng Thị Mai		01/01/1928		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4651	Nguyễn Bá Diệp	20/10/1982			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4652	Huỳnh Ngọc Luyện	08/05/1937			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4653	Nguyễn Thị Kim Lang		01/01/1951		ấp 2, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4654	Nguyễn Văn Hùng	10/08/1981			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4655	Võ Thị Yên		01/01/1962		ấp 2, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4656	Cao Thị Trứ		01/01/1933		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4657	Nguyễn Văn Cư	01/01/1934			ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4658	Trần Thị Phụng		01/01/1935		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4659	Văn Công Kiếu	27/11/1930			ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4660	Đặng Thị Côi		01/01/1935		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4661	Nguyễn Văn Tô	01/01/1947			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4662	Nguyễn Công Vinh	25/12/1977			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4663	Lê Hồng Hậu	11/11/1934			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4664	Trần Thị Trích		06/06/1935		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4665	Vũ Huỳnh Nhật Long	17/09/2003			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4666	Huỳnh Bửu Tâm		07/02/1979		ấp 2, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4667	Võ Thị Bé		01/01/1936		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4668	Hồ Nhật Đan	25/07/2002			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4669	Trần Thị Đáng		01/01/1936		ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4670	Huỳnh Việt Hùng	08/04/2012			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4671	Phạm Thị Ngọc Bích		01/01/1979		ấp 2, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4672	Trần Huy Thành	03/01/2010			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4673	Trần Huy Tâm	27/08/2011			ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4674	Võ Văn Ai	16/06/1937		271939867	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4675	Lê Thị Hồng Hà			271987837	ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4676	Nguyễn Thị Đước			272182168	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4677	Đỗ Thị Như			010551724	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4678	Kiều Thị Miên			272913427	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4679	Nguyễn Văn Thanh	02/06/1938		270249641	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4680	Nguyễn Thị Bảy			272900547	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4681	Nguyễn Thị Tiêu			180920310	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4682	Quách Thị Kim Huệ			272241981	ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4683	Nguyễn Đức Thành	15/05/1939		270797271	ấp 2, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4684	Hoàng Văn An	15/09/2003		272946321	ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4685	Trương Thị Hào			05/05/1989	ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4686	Bùi Văn Tự	17/03/1985		276043940	ấp 2, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4687	Bùi Văn Khánh	10/02/1956		03805602867	ấp 2, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4688	Tăng Trường Báu	07/12/1994			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4689	Dương Quang Thanh	01/01/1996			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4690	Dương Cầu Chầy	01/01/1961			ấp 3, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4691	Trần Thọai Minh	01/01/1995			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4692	Trần Thanh Vân	03/06/2003			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4693	Trần A Hồng	12/01/1972			ấp 3, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4694	Sên A Kiú			01/01/1965	ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4695	Vòng A Sắt	01/01/1923			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4696	Lê Thị Thuýet			01/01/1919	ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4697	Nguyễn Thị Yêm			01/01/1946	ấp 3, xã Sông Trầu	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4698	Vòng Cẩm Sáng	01/10/1930			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4699	Hồ Sám Muối		05/02/1930		ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4700	Phùng Trần Bảo	14/05/1931			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4701	Nguyễn Thị Tịnh		01/01/1931		ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4702	Lưu Shiê		04/01/1931		ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4703	Dương Toàn	01/01/1929			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4704	Lưu Cam San	03/02/1930			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4705	Vũ Đình Mười	01/01/1933			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4706	Hoàng Thị Tú		23/12/1935		ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4707	Nênh A Séc	15/08/1933			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4708	Vòng Kim Thu		10/10/1989		ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4709	Nguyễn Đình Hoàng Sơn	18/07/2011			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4710	Đinh Thị Trúc		20/02/1987		ấp 3, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4711	Trần Văn Ất	20/05/1931			ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4712	Nguyễn Thị Hằng		01/01/1934		ấp 3, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4713	Liêu A Sáng	30/10/1959			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4714	Tăng Nhị Múi		28/10/1953		ấp 3, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4715	Nguyễn Hữu Hà	04/07/1985			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4716	Lâu Tiểu Phi	14/12/1990			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4717	Lý Nhật Cú		03/03/1954		ấp 3, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4718	Lê Thanh Sơn	09/01/1973			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4719	Voòng A Lọc		19/08/1998		ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4720	Lưu Thị Kiú		25/09/1961		ấp 3, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4721	Nguyễn Văn Chiến	29/07/1973			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4722	Vòng Quốc Đạt	17/04/2005			ấp 3, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4723	Nguyễn Thị An		26/09/1982		ấp 3, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	